TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 7 – 2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Đào Việt Khái.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Anh T, sinh năm: 2000 (Có mặt).
Cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Phú T, huyện Phú T, tỉnh CM.

Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).
Cư trú tại: Ấp Thanh Đ, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa của chị Đoàn Anh T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Minh Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 24/02/2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2021. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến cự cải thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải hàn gắn. Anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Do đó, chị

T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Tú Tr, sinh ngày 02/3/2023, hiện con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Trần Minh Đ, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Minh Đ thông qua người nhận là cha của anh Đ là ông Trần Văn U đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Đoàn Anh T về việc xin ly hôn với anh Trần Minh Đ thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Đua là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Minh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đoàn Anh T và anh Trần Minh Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo chị T thì vợ chồng, anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm vào đầu năm 2024 nên anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Anh, chị đã cự cải nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong

khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, chị T cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh Đ được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với anh Đ quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời anh rất nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà chị T nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Tú Tr, sinh ngày 02/3/2023, hiện con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị T, anh Đ. Giao con cho chị T hoặc anh Đ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con nhưng không phải giao con cho chị T thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Mặc dù, chị T khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con và hiện tại cháu Trần Tú Tr chưa đủ 16 tháng tuổi nhưng theo chị T chị không yêu cầu nuôi con vì chị cho rằng điều kiện nuôi con của chị không đảm bảo bằng anh Đ. Xét thấy, việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống ổn định của con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Tú Tr cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Anh T về việc xin ly hôn anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tú Tr, sinh ngày 02/3/2023, hiện con đang sống với anh Đ, cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2024, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003421 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.